

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/7/2024
V/v "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Rạng Đông

Bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đình Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị Thùy L**, sinh năm 1991

Địa chỉ: **Khu phố D, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang**

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1988

Địa chỉ: **Khu phố D, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang**

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Đặng Thị Thùy L** trình bày:

Vào năm 2009 chị **Đặng Thị Thùy L** và anh **Nguyễn Văn T** tự tìm hiểu, yêu thương nhau được sự đồng ý của hai gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện P (N là phường D, thành phố P), tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 113/2012, quyển số 01/2012, ngày 05/05/2012. Vợ chồng

chung sống có 01 người con chung tên **Nguyễn Minh A**, sinh ngày 31/8/2010.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường bất đồng quan điểm sống với nhau, thường xuyên cãi nhau do anh **T** không lo làm ăn để cùng nhau để xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung mà chỉ lo chơi bời lêu lổng, uống rượu bia, và thường xuyên về kiếm chuyện hành hung đánh đập chị **L**, ngoài ra anh **T** thường xuyên vi phạm pháp luật như có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và trộm cắp tài sản, cụ thể vào tháng 6/2023 anh **T** bị Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Trước đây vì thương con còn nhỏ chị **L** đã cố gắng khuyên nhủ anh **T** thay đổi để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh **T** không thay đổi, chính vì điều này nên tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng nên chị **L**, anh **T** đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, chị **L yêu cầu Tòa án giải quyết:**

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh **Nguyễn Văn T**.
- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung tên **Nguyễn Minh A**, sinh ngày 31/8/2010. Tôi yêu cầu là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), tôi không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết
- Về nợ chung: Cam kết vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/02/2024 của anh **Nguyễn Văn T trình bày:** Anh **T** và chị **L** chung sống với nhau từ năm 2008 có đăng ký kết hôn nhưng không nhớ ngày tháng đăng ký, vợ chồng có 01 người con chung tên **Nguyễn Minh A**, sinh năm 2010; hiện nay cháu **A** đang ở với bà nội, sau khi bà **N** mất thì cháu ở với người em dì ruột chăm sóc và nuôi dưỡng, quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung, không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng. Quá trình chung vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn, nay chị **L** yêu cầu giải quyết ly hôn anh **T** có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh **T** không biết vì sao chị **Đặng Thị Thùy L** yêu cầu ly hôn với anh, trong quá trình chung sống vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng chung sống từ năm 2008 đến năm 2022 chị **L** bỏ nhà đi không rõ nguyên nhân, hiện tại anh **T** đang chấp hành án mà chị **L** yêu cầu ly hôn thì anh

T1 muốn gặp chị **L** để nói chuyện tìm hiểu sự việc rồi mới quyết định về hôn nhân.

Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, nếu cháu **Minh A** có nguyện vọng sống chung với chị **L** thì anh **T** không có ý kiến, anh **T** sẽ cấp dưỡng hàng tháng theo khả năng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T trình bày đến ngày 28/6/2024 anh **T** chấp hành xong án phạt tù và có thể chấp hành xong sớm hơn vì anh **T** có đăng ký giảm án đợt 30/4/2024 nên anh **T** muốn được tham gia giải quyết trong suốt quá trình vụ án.

* Con chung cháu **Nguyễn Minh A** có đơn giải quyết vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 21/11/2023 cháu **Minh A** trình bày: Cháu là con ruột của cha là **Nguyễn Văn T** và mẹ **Đặng Thị Thùy L**, nếu cha mẹ ly hôn cháu **A** có nguyện vọng với mẹ vì mẹ luôn quan tâm yêu thương lo lắng cho cháu **A** đầy đủ về mọi mặt. Đây là nguyện vọng của cháu không ai ép buộc và xúi giục.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử và trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn anh **Nguyễn Văn T** Tòa án đã tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn tại nơi cư trú nhưng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và Điều 228; Điều 238 để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Đặng Thị Thùy L** là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Đặng Thị Thùy L** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn T**. Về con chung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu **A** cho chị **L** chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng

thành (đủ 18 tuổi) phù hợp với nguyện vọng của cháu **Minh A** là muốn sống cùng mẹ; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **L** không yêu cầu nên đề nghị HĐXX miễn xét; Về tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Chị **L** và anh **T** cam kết vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng, cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn chị **Đặng Thị Thùy L** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với bị đơn anh **Nguyễn Văn T**. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Ly hôn”.

Bị đơn anh **Nguyễn Văn T** có địa chỉ cư trú tại địa bàn **thành phố P, tỉnh Kiên Giang**, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Chị **Đặng Thị Thùy L** có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh **Nguyễn Văn T** đã chấp hành án hình phạt tù xong vào ngày 26/4/2024, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn tại nơi cư trú nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đặng Thị Thùy L** và anh **Nguyễn Văn T** tự nguyện tìm hiểu quen biết nhau và về chung sống vợ chồng từ năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện P (N là phường D, thành phố P), tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 113/2012, quyển số 01/2012, ngày 05/05/2012, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị **L** trình bày: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường bất đồng quan điểm sống với nhau, thường xuyên cãi nhau do anh **T** không lo làm ăn, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con chung mà chỉ lo chơi bời lêu lổng, uống rượu bia và thường xuyên về kiếm chuyện hành hung đánh đập chị **L**, ngoài ra anh **T** thường xuyên vi phạm pháp luật như có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và trộm cắp tài sản, cụ thể vào tháng 6/2023 anh **T** bị Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc xử phạt 01 năm 06

tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Chị **L** xác định vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **T** để cả hai được tự do.

Đối với anh **Nguyễn Văn T** cho rằng vợ chồng chung sống không mâu thuẫn gì không biết lý do gì chị **L** yêu cầu ly hôn nên không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng, quá trình chung sống giữa chị **L** và anh **T** đã phát sinh mâu thuẫn về tình cảm thời gian dài từ năm 2014 và từ năm 2021 thì vợ chồng đã chính thức sống ly thân cho đến nay cả hai không còn sự quan tâm, yêu thương chăm sóc giúp đỡ nhau cùng chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, ông **T** còn vi phạm pháp luật dẫn đến bị Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản là nguyên nhân dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, điều đó cho thấy đã vi phạm đến quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục kéo dài. Việc anh **T** cho rằng vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn để dẫn đến ly hôn là không có cơ sở để chấp nhận, do đó đối với yêu cầu khởi kiện của chị **L** về việc xin ly hôn với anh **T** là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất cho chị **L** được ly hôn với anh **T**.

[2.2]. Về con chung: Chị **L** và anh **T** xác nhận có 01 người con chung tên **Nguyễn Minh A**, sinh ngày 31/8/2010, cháu **A** có nguyện vọng sống chung với chị **L**; căn cứ Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 HĐXX giao cháu **A** cho chị **L** chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), phù hợp với nguyện vọng cháu **A** muốn sống cùng mẹ.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **L** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung: Chị **L** và anh **T** xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5]. Về nợ chung: Chị **L** và anh **T** cam kết vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn chị **Đặng Thị Thùy L** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Đặng Thị Thùy L** về việc “Ly hôn, nuôi con chung” đối với bị đơn anh **Nguyễn Văn T**.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đặng Thị Thùy L** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn T**.

- Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Minh A**, sinh ngày 31/8/2010 cho chị **L** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), phù hợp với nguyện vọng cháu **A** muốn sống cùng mẹ. **Anh T1** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **L**.

Vì lợi ích chung về mọi mặt của con chung khi cần thiết được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Anh **Nguyễn Văn T** có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị **L** và anh **T** xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị **L** và anh **T** cam kết vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị **Đặng Thị Thùy L** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị **L** đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009554 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Chị **L** đã nộp xong. Anh **Nguyễn Văn T** không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Do các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Phú Quốc;
- Chi cục THADS TP. Phú Quốc;
- UBND P. Dương Đông; TP. Phú Quốc;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Hà

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

D